

Biểu mẫu 3
Cải cách thủ tục hành chính
(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày tháng 12 năm 2025 của UBND đặc khu)

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú	Phân công
		Đơn vị tính	Số liệu		
1.	Thống kê TTHC				
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục			
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục			
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục			
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục			
1.4.1.	Số TTHC cấp tỉnh (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục			
1.4.2.	Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	396		
2.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông				
2.1.	Tỷ lệ TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa	%	100%		
2.2.	Số TTHC đang thực hiện tiếp nhận và giải quyết không phục thuộc vào địa giới hành chính	Thủ tục	50		
3.	Kết quả giải quyết TTHC				
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	=b/a*100		

3.1.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	Hồ sơ			
3.1.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	Hồ sơ			
3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,15		
3.2.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	Hồ sơ	12.715		
3.2.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	Hồ sơ	12.607		
3.3.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	65,9		
3.3.1.	<i>Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)</i>	PAKN	91		
3.3.2.	<i>Số PAKN đã giải quyết xong</i>	PAKN	60		